

Số: 11 /2022/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 30 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương như sau:

1. Thay thế cụm từ “Chi cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão” tại khoản 4 Điều 9 và khoản 3 Điều 10 bằng cụm từ “Chi cục Thủy lợi”.

2. Sửa đổi khoản 6 Điều 2 như sau:

“6. Đề vật liệu; đào ao, giếng ở bãi sông;”

3. Sửa đổi khoản 6 Điều 4 như sau:

“6. Văn bản chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với những hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 7 Điều 2 Quy định này đối với đề cấp I, cấp II, cấp III và đối với hoạt động xây dựng, cải tạo công trình giao thông có ảnh hưởng đến hai tỉnh trở lên theo quy định tại Thông tư 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Tiếp nhận, đánh giá hồ sơ và trả kết quả

1. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương là đơn vị tiếp nhận hồ sơ cấp giấy phép và trả kết quả đối với các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Chi cục Thủy lợi là đơn vị trực tiếp đánh giá hồ sơ, tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn tỉnh Hải Dương.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Quy trình cấp giấy phép

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 03 (ba) bộ hồ sơ cấp, điều chỉnh, gia hạn giấy phép trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến đến đơn vị tiếp nhận hồ sơ.

2. Đơn vị tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm nhận hồ sơ; kiểm tra hồ sơ; phát phiếu tiếp nhận hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đảm bảo quy định tại Điều 4 Quy định này; số hóa hồ sơ; chuyển đến đơn vị đánh giá hồ sơ trong thời hạn $\frac{1}{2}$ (một nửa) ngày làm việc hoặc hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng theo quy định. Trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nộp hồ sơ trực tuyến, việc tiếp nhận hồ sơ trực tuyến và trả kết quả được thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Trong thời hạn 11 (mười một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, đơn vị đánh giá hồ sơ tiến hành các bước đánh giá hồ sơ gồm: đánh giá hồ sơ, gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực có liên quan và kiểm tra hiện trường (trong trường hợp cần thiết) về tính đầy đủ, chính xác, đáp ứng các điều kiện theo quy định; lập Báo cáo đánh giá hồ sơ, dự thảo Tờ trình cấp phép.

Các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, sau thời hạn trên, nếu không có ý kiến coi như đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của đơn vị.

4. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi tổng hợp ý kiến (nếu có), trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký

Tờ trình phê duyệt hoặc văn bản trả hồ sơ. Trong vòng 01 (một) ngày làm việc, Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm tra, xem xét kết quả giải quyết ký văn bản trình cấp phép.

Trường hợp không đủ điều kiện cấp phép, đơn vị đánh giá hồ sơ trả lời bằng văn bản gửi đơn vị tiếp nhận chuyển cơ quan, tổ chức, cá nhân đề từ chối giải quyết trong đó nêu rõ lý do từ chối hoặc hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung, khắc phục các tồn tại (nếu có) để đủ điều kiện thực hiện đánh giá hồ sơ theo quy định.

5. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt Quyết định cấp giấy phép hoạt động lĩnh vực đề điều. Trường hợp không cấp giấy phép, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do.

Trong thời hạn $\frac{1}{2}$ (một nửa) ngày làm việc, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển kết quả đến đơn vị trả kết quả để trả cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, KTN, Ô Chính.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Quân